

A. TIỀN GỬI VND

I Tiền gửi trực tuyến				II Tiền gửi lãi suất linh hoạt trực tuyến										
Kỳ hạn	Lãi cuối kỳ	Lãi tháng	Lãi trước	Kỳ hạn	Mức gửi (triệu đồng)/ Lãi cuối kỳ					Từ 1 tỷ trở lên				
					Từ 01 đến dưới 100	Từ 100 đến dưới 300	Từ 300 đến dưới 500	Từ 500 đến dưới 1 tỷ						
01 Tuần	0.30	-	-	Từ 07 đến 30 ngày					0.30					
02 Tuần	0.30	-	-	Từ 31 đến 91 ngày					4.75	4.75	4.75	4.75	4.75	
03 Tuần	0.30	-	-	Từ 92 đến 183 ngày					4.75	4.75	4.75	4.75	4.75	
01 Tháng	4.75	-	4.73	Từ 184 đến 243 ngày					6.20	6.25	6.30	6.35	6.40	
02 Tháng	4.75	4.74	4.71	Từ 244 đến 303 ngày					6.20	6.25	6.30	6.35	6.40	
03 Tháng	4.75	4.73	4.69	Từ 304 đến 364 ngày					6.20	6.25	6.30	6.35	6.40	
04 Tháng	4.75	4.72	4.67											
05 Tháng	4.75	4.71	4.65											
06 Tháng	6.20	6.12	6.01											
07 Tháng	6.20	6.10	5.98											
08 Tháng	6.20	6.09	5.95											
09 Tháng	6.20	6.07	5.92											
10 Tháng	6.20	6.06	5.89											
11 Tháng	6.20	6.04	5.86											
12 Tháng	6.50	6.31	6.10											
15 Tháng	6.20	5.98	5.75											
18 Tháng	6.20	5.94	5.67											
24 Tháng	6.20	5.85	5.51											
36 tháng	6.40	5.88	5.56											
48 tháng	6.40	5.72	5.39											
60 tháng	6.40	5.57	5.09											
V Tiền gửi, tiết kiệm thông thường				III Tài khoản thanh toán, Tiền gửi không kỳ hạn		Tài khoản gói kinh doanh		IV Tiết kiệm Cộng Hưởng						
Kỳ hạn	Lãi cuối kỳ	Lãi quý	Lãi tháng	Lãi trước										
Từ 1-3 tuần	0.30	-	-	-	Không kỳ hạn	0.20	0.50	Ngừng triển khai kể từ ngày 17/12/2025						
01 Tháng	4.75	-	-	4.73										
02 Tháng	4.75	-	4.74	4.71										
03 Tháng	4.75	-	4.73	4.69										
04 Tháng	4.75	-	4.72	4.67										
05 Tháng	4.75	-	4.71	4.65										
06 Tháng	6.15	6.08	6.07	5.96										
07 Tháng	6.15	-	6.05	5.93										
08 Tháng	6.15	-	6.04	5.90										
09 Tháng	6.15	6.04	6.02	5.87										
10 Tháng	6.15	-	6.01	5.85										
11 Tháng	6.15	-	5.99	5.82										
12 Tháng	6.45	6.28	6.26	6.05										
15 Tháng	6.15	5.95	5.93	5.71										
18 Tháng	6.15	5.91	5.89	5.63										
24 Tháng	6.15	5.82	5.81	5.47										
36 tháng	6.40	5.88	5.86	5.36										
48 tháng	6.40	5.72	5.39	5.09										
60 tháng	6.40	5.57	5.09	4.84										

V					VI		
Tiền gửi, tiết kiệm thông thường					Tiết kiệm Tối ưu		
Kỳ hạn	Lãi cuối kỳ	Lãi quý	Lãi tháng	Lãi trước	Kỳ hạn	Lãi cuối kỳ	Lãi tháng
Từ 1-3 tuần	0.30	-	-	-	01 Tháng	4.75	-
01 Tháng	4.75	-	-	4.73	02 Tháng	4.75	4.74
02 Tháng	4.75	-	4.74	4.71	03 Tháng	4.75	4.73
03 Tháng	4.75	-	4.73	4.69	06 Tháng	6.20	6.12
04 Tháng	4.75	-	4.72	4.67	07 Tháng	6.20	6.10
05 Tháng	4.75	-	4.71	4.65	08 Tháng	6.20	6.09
06 Tháng	6.15	6.08	6.07	5.96	09 Tháng	6.20	6.07
07 Tháng	6.15	-	6.05	5.93	12 Tháng	6.50	6.31
08 Tháng	6.15	-	6.04	5.90	15 Tháng	6.20	5.98
09 Tháng	6.15	6.04	6.02	5.87	18 Tháng	6.20	5.94
10 Tháng	6.15	-	6.01	5.85	24 Tháng	6.20	5.85
11 Tháng	6.15	-	5.99	5.82			
12 Tháng	6.45	6.28	6.26	6.05			
15 Tháng	6.15	5.95	5.93	5.71			
18 Tháng	6.15	5.91	5.89	5.63			
24 Tháng	6.15	5.82	5.81	5.47			
36 tháng	6.40	5.88	5.86	5.36			
48 tháng	6.40	5.72	5.71	5.09			
60 tháng	6.40	5.57	5.56	4.84			

VII		
Tích lũy Đồng Hành		
Kỳ hạn	Lãi cuối kỳ	
06 Tháng	4.00	
12 Tháng	4.50	
18 Tháng	4.75	
24 Tháng	4.75	

B. TIỀN GỬI USD VÀ NGOẠI TỆ KHÁC

Lãi suất: 0.00%/ năm cho tất cả các kỳ hạn

Ghi chú:

- Lãi được tính trên số ngày thực tế và cơ sở tính lãi là 365 ngày.
- Thời hạn tính lãi: được xác định từ ngày BVBank nhận tiền gửi đến hết ngày liền kề trước ngày thanh toán hết khoản tiền gửi (tính ngày đầu, bỏ ngày cuối của thời hạn tính lãi).
- Đối với tiền gửi trực tuyến: nếu khách hàng đăng ký phương thức trích tự động để gửi thì áp dụng kỳ hạn 1, 3, 5, 7 tháng, lãi cuối kỳ.
- Tiết kiệm Cộng Hưởng: Nếu duy trì từ 80% số tiền gửi ban đầu đến ngày đến hạn, nhận thêm ưu đãi lãi suất theo quy định BVBank từng thời kỳ.